

Số: 677/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ thụ lý số 589/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

Những người yêu cầu:

1. **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983; CCCD: 040183000084

2. **Anh Trịnh Văn H**, sinh năm 1982; CCCD: 036082000351

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: **tổ A cụm A (tổ E mới), phường H, thành phố Hà Nội.**

Cùng ở tại: **P tòa N, H L, phường V, thành phố Hà Nội.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Trịnh Văn H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam ngày 31/8/2009** - Giấy chứng nhận kết hôn số 27-KH, quyển số 01- 2009 (nay là **Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Ninh Bình**). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên chị **N** và anh **H** cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Trịnh Hà L**, sinh ngày 01/11/2010 và **Trịnh Bảo N1**, sinh ngày 09/7/2013. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị **N** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị **N** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Việc thoả thuận về con chung khi ly hôn của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **Trịnh Hà L** và **Trịnh Bảo N1**.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị N** và anh **Trịnh Văn H**.
 - Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Trịnh Hà L**, sinh ngày 01/11/2010 và **Trịnh Bảo N1**, sinh ngày 09/7/2013. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị **Nguyễn Thị N** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.
 - Anh **Trịnh Văn H** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.
 - Về tài sản chung và nhà ở: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.
 - Về công nợ chung: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.
2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **N** tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0010374 ngày 29/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VSKND khu vực 3 - Hà Nội;
- THADSTPHN;
- UBND xã Xuân Phúc - tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hiên Vinh